

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 170/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8 /2020

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

2. Ông Trương Quốc Nhã

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNST ngày 04 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34 /2020 /QĐXX ST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa 17/2020 /QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh Thu U , sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn T , sinh năm 1995(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2020, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Thu U trình bày: Chị và anh Nguyễn T tổ chức cưới hỏi vào tháng 9/2018 trước khi cưới có tìm hiểu khoảng vài tháng, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn UBND xã N cấp.

Sau khi cưới, vợ chồng sống phía gia đình chồng ở xã N, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh T thay đổi tính tình, ham chơi với bạn bè, ham mê cờ bạc, gây nợ nần, không quan tâm đến vợ con, thời điểm chị về nhà cha mẹ đẻ đẻ sinh con, anh nhiều lần ăn nói thiếu tế nhị với cha mẹ vợ, chị có nói thì anh gây chuyện, vợ chồng thường lời qua tiếng lại vì những chuyện vặt trong sinh hoạt cuộc sống hàng ngày, có vài lần anh nóng tính còn có đánh chị, quá buồn bực chị nhiều lần bỏ đi, nhưng nghĩ vì con lại quay về, lần cuối cùng vào ngày 15/01/ 2019 là do anh T đuổi, ném đồ đạc của chị ra khỏi nhà và vợ chồng không

còn sống chung từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, suốt thời gian qua, anh T không hề lui tới thăm nom con chung, cha mẹ hai bên cũng có khuyên nhủ nhưng không ai nhường nhịn ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nữa, yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T .

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B , sinh ngày 27/3/2018. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000.đ, chị làm nghề may thu nhập bình quân khoảng 5.000.000.đ/ tháng.

Về tài sản: Ngày 29/6/2020 chị có đơn rút đơn yêu cầu về chia tài sản, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 22/6/2020, bị đơn anh Nguyễn T trình bày:* Anh và chị U kết hôn tháng 8/2017, có thời gian tìm hiểu 04 tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do thời điểm vợ sinh con, mẹ vợ phàn nàn tiền bạc, sao anh không đưa tiền để mẹ nuôi vợ con, vợ nghe lời mẹ nên từ đó luôn có lời qua tiếng lại với anh. Mỗi khi cháu B được 08 tháng tuổi, vợ mới đưa về phía gia đình anh sống nhưng chỉ vài ngày rồi vô kế gây chuyện bỏ đi, vợ bỏ đi rất nhiều lần, anh và gia đình qua nói về nhà, rồi vợ lại bỏ đi, Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019. Nay anh còn tình cảm với chị U không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/3/2018. Ly hôn, anh đồng ý giao cho vợ tiếp tục nuôi con chung, nhưng anh không cấp dưỡng, anh làm nghề thợ hồ thu nhập bình quân 7.000.000.đ/ tháng.

3.Về tài sản chung: Anh không tranh chấp tài sản, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các hội thẩm và thư ký đều tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự còn việc chấp hành pháp luật của các đương sự, đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn không chấp hành quyền nghĩa vụ của đương sự .

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Huỳnh Thu U ly hôn với anh Nguyễn T

- Về con chung: Giao cho chị U nuôi cháu Nguyễn Gia B , sinh ngày 27/3/2018, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ giải quyết vì chị U có đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về mặt tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Huỳnh Thu U yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T và yêu cầu giải quyết

về con chung, nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, bị đơn anh Nguyễn T đang cư trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do, theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2.23] Về mặt tố tụng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huỳnh Thu U và anh Nguyễn T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã N nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị U và anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ vì những chuyện vặt trong cuộc sống hàng ngày, chị U nhiều lần tự bỏ nhà về phía cha mẹ ruột ở. Gia đình có hòa giải nhưng không ai nhường nhịn ai. Chị U còn xác định anh T ham chơi bài bạc, không quan tâm đến vợ con, vô kể gây chuyện đánh đập vợ, suốt thời gian sống ly thân không hề thăm nom con. Qua xác minh người thân của anh T cũng xác định gần 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai, chị U và gia đình chị còn thách đố gây chuyện, tính cách của chị U không có lập trường nên khó quay lại chung sống được, có lần gia đình chị U ra làm to chuyện, phía gia đình anh T phải báo cáo chính quyền địa phương đến can thiệp. Qua các lần hòa giải tại Tòa nhưng anh T cố tình không đến, anh có yêu cầu đoàn tụ nhưng thực tế anh không có phương hướng và kế hoạch nào để vợ quay về, nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng anh không chấp hành, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 01/2019 đến nay. Qua phân tích ở trên, thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị thật sự đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2.] Về con chung:

Xét về yêu cầu nuôi con chung : Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/3/2018, hiện cháu B đang ở với chị U, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con còn anh T cũng đồng ý giao con cho chị U nuôi. Qua yêu cầu của anh T và chị U, HĐXX quyết định giao cháu B cho chị U nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con”.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Qua xem xét về việc giao con chung cho chị U nuôi dưỡng, mức thu nhập của anh T và chị U với mức chi phí sinh hoạt của trẻ ở thời điểm hiện nay và trách nhiệm nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của chị U buộc anh T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000đ từ thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Trước đây chị U yêu cầu chia tài sản nhưng vào ngày 29/6/2020 chị có đơn rút đơn yêu cầu chia tài sản nên đình chỉ không giải quyết về tài sản .

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì chị U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) và hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị U .

Theo Khoản 10 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì anh và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng).

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8, 10 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Huỳnh Thu U ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:

Giao người con tên Nguyễn Gia B , sinh ngày 27/3/2018 cho chị U tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Buộc anh Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Gia B , phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000.đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản : Chị Nguyễn Huỳnh Thu U có đơn rút yêu cầu nên đình chỉ không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Huỳnh Thu U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004946

ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn hoàn trả cho chị U 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Huỳnh Thu U có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Bình Định.
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS. TX A;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh